

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TAM GIANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TAM GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAM GIANG INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TGI

2. Mã số doanh nghiệp: 0109578550

3. Ngày thành lập: 06/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 48, Phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024320 43318

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Phá dỡ	4311
2.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
3.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị đã cung cấp và lắp đặt; Sửa chữa bảo trì thiết bị phòng cháy chữa cháy, camera quan sát, chống đột nhập, thang máy, hệ thống quạt tăng áp hút khói, hệ thống điều hòa thông gió, hệ thống điện, nước và hệ thống cấp thoát nước	4322
4.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng sắt và quặng kim loại màu; Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh; Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu; Bán buôn kim loại khác (trừ kinh doanh vàng)	4662(Chính)
5.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
6.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
7.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
8.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
9.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
10.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
11.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
12.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071

13.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập Internet	6190
14.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
15.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
16.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
17.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa; Kinh doanh lữ hành quốc tế	7912
18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; khu du lịch sinh thái	5510
19.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
20.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
21.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động đo đạc bản đồ, Khảo sát địa hình, Khảo sát địa chất và nguồn nước địa chất thủy văn công trình - Tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng,; tư vấn đấu thầu, tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, Tư vấn giám sát thi công công trình xây dựng, Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 2 - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình và công nghệ - Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình, Giám sát công tác khảo sát địa chất thủy văn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình và công nghệ Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng, Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy	7110
22.	Quảng cáo	7310
23.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
24.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
26.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
27.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
28.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
29.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
30.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629

31.	Xây dựng nhà để ở	4101
32.	Xây dựng nhà không để ở	4102
33.	Xây dựng công trình thủy	4291
34.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
35.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo 52	4293
36.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
37.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
38.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
39.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
40.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
41.	Hoạt động chiếu phim	5914
42.	Bán buôn đồ uống	4633
43.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
44.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay	5229
46.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng cáp treo. Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng ô tô.	4932
47.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
48.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
49.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: Hoạt động nghệ thuật biểu diễn	9000
50.	Đại lý du lịch	7911
51.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
52.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho thủy sản	4620
53.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ rượu, bia	4723
54.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thuốc lá điếu	4724
55.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động của bến xe ô tô khách, bến xe ô tô hàng, bãi đỗ xe, - Hoạt động dịch vụ trông giữ phương tiện	5225
58.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
59.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
60.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài - Kinh doanh dịch vụ karaoke - Hoạt động vui chơi giải trí khác (leo núi, lướt dù trên biển, ca nô, thuyền buồm, thuyền chèo, lướt ván, mô tô trượt nước)	9329
61.	Hoạt động thể thao khác	9319
62.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp (không gây chảy máu)	9631
63.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô	7710
64.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
65.	Khai thác thủy sản biển	0311
66.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
67.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
68.	Sản xuất điện	3511
69.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Bán buôn điện và bán lẻ điện	3512
70.	Bán buôn tổng hợp	4690
71.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
72.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
73.	Bán buôn thực phẩm	4632
74.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
75.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
76.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư. (loại trừ hoạt động tư vấn pháp luật, chứng khoán, kiểm toán) Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (loại trừ ủy thác, giám sát tài chính và chứng khoán)	6619
77.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

78.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Quản lý bất động sản	6820
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
80.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
81.	Hoạt động tư vấn quản lý (loại trừ hoạt động tư vấn pháp luật, chứng khoán, kiểm toán).	7020
82.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
83.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
84.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
85.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
86.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi Chi tiết: Nhân giống động vật, nuôi dưỡng và thuần dưỡng thú; cung cấp kỹ thuật chăn nuôi	0162
87.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
88.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Sản xuất, phương tiện phòng cháy, chữa cháy	3290
89.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
90.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
91.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (trừ hoạt động báo chí)	5913
92.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
93.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
94.	Xây dựng công trình điện	4221
95.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
96.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
97.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
98.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
99.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
100.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

101.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết:- Buôn bán vật tư, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện - Bán buôn máy móc công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn các loại máy móc công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. - Bán buôn thiết bị phụ tùng và dụng cụ đo lường: máy phân tích khoa học, thiết bị đo kiểm, thiết bị phòng thí nghiệm - Kinh doanh phương tiện thiết bị bảo vệ, camera, thiết bị chống sét, bảo hộ lao động , thiết bị cứu hộ, cứu nạn - Kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy;	4659
102.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: -Bán buôn dầu thô - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác -Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan -Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661
103.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
104.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác	4773
105.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
106.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
107.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
108.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
109.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
110.	Vận tải đường ống Chi tiết: Vận tải khí, khí hóa lỏng, xăng dầu, nước, chất lỏng khác, bùn than và những hàng hoá khác qua đường ống.	4940
111.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
112.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
113.	Hoạt động thú y	7500
114.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
115.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
116.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
117.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
118.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

119.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Duy tu, sửa chữa nạo vét hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, chất thải	3700
120.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
121.	Thu gom rác thải độc hại	3812
122.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
123.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
124.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hóa và môi giới hàng hóa	4610
125.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động chuyển giao công nghệ - Tư vấn về môi trường, Dịch vụ quan trắc môi trường	7490
126.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
127.	Hoạt động trung gian tiền tệ khác Chi tiết: Đại lý đối ngoại tệ	6419
128.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản 9	6810

6. Vốn điều lệ: 20.181.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN PHẢI	Tổ 3, Giáp Nhất, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	686.154	6.861.540.000	34,000	027087000203	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	686.154	6.861.540.000	34,000		
2	TRẦN ĐĂNG KHOA	Số 46, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	665.973	6.659.730.000	33,000	027081000789	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	665.973	6.659.730.000	33,000		

3	NGUYỄN TRANG ANH	Số 23 ngõ 51 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	665.973	6.659.730.000	33,000	0013030041 72
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	665.973	6.659.730.000	33,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN PHÁI

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01/07/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 027087000203

Ngày cấp: 12/06/2018

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

KQLC

DLQG dân

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, Giếng Nhé, Phường Thịnh Quang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 3, Giếng Nhé, Phường Thịnh Quang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội